

# LUẬN A TỖ ĐẠT MA ĐẠI TỖ BÀ SA

## QUYỂN 96

### LUẬN VỀ HỌC CHI (Phần 4)

Sau đó họ đã dẫn kinh nói về Xá-lợi-tử, cũng không nhất định ngăn chặn về nghĩa sinh khởi cùng một lúc, nghĩa là Xá-lợi-tử dễ dàng biết tâm nhất định tiến vào-rời a Giác chi, đối với Giác chi nhất định tùy tâm mong muốn mà có thể tự tại an trú. Đây là dựa vào thời gian mà nói tùy ý tự tại trú vào Giác chi, chứ không nói riêng biệt khởi lên từng Giác chi một theo thứ tự, cho nên không thành chứng cứ.

Lại nữa, kinh ấy dựa vào Giác chi an trú thuộc ba địa, cho nên nói như thế cũng không trái với lý. Nghĩa là ở thời gian đầu ngày muốn trú vào Giác chi của địa có Tâm-có Tứ, thì sẽ có thể an trú; ở thời gian giữa ngày muốn trú vào Giác chi của địa không có Tâm-chỉ có Tứ, thì sẽ có thể an trú; vào thời gian cuối ngày muốn trú vào Giác chi của địa không có Tâm-không có Tứ, thì sẽ có thể an trú, cho nên nói như thế không trái với cùng lúc dấy khởi.

Lại nữa, kinh ấy dựa vào Giác chi trú trong ba căn tương ứng mà nói cũng không trái với lý. Nghĩa là ở thời gian đầu ngày muốn trú vào Giác chi tương ứng với Lạc căn, thì lập tức có thể an trú; ở thời gian giữa ngày muốn trú vào Giác chi tương ứng với Hỷ căn, thì lập tức có thể an trú; ở thời gian cuối ngày muốn trú vào Giác chi tương ứng với Xả căn, thì lập tức có thể an trú, cho nên nói như thế không trái với cùng lúc dấy khởi.

Lại nữa, kinh ấy dựa vào Giác chi trú trong ba Tam-ma-địa cùng lúc sinh khởi mà nói cũng không trái với lý. Nghĩa là ở thời gian đầu ngày muốn trú trong Giác chi cùng lúc sinh khởi Tam-ma-địa không, thì lập tức có thể an trú; ở thời gian giữa ngày muốn trú trong Giác chi cùng lúc sinh khởi Tam-ma-địa Vô nguyện, thì lập tức có thể an trú; ở thời gian cuối ngày muốn trú trong Giác chi cùng lúc sinh khởi Tam-ma-địa

Vô tướng, thì lập tức có thể an trú, cho nên nói như thế không trái với cùng lúc dấy khởi.

Lại nữa, kinh ấy dựa vào Giác chi trú trong ba Trí cùng lúc sinh khởi mà nói cũng không trái với lý. Nghĩa là ở thời gian đầu ngày muốn trú trong Giác chi cùng lúc sinh khởi Tận trí, thì lập tức có thể an trú; ở thời gian giữa ngày muốn trú vào Giác chi cùng lúc sinh khởi Vô sinh trí, thì lập tức có thể an trú; vào thời gian cuối ngày muốn trú trong Giác chi cùng lúc sinh khởi Chánh kiến-Chánh trí Vô học, thì lập tức có thể an trú, cho nên nói như thế không trái với cùng lúc dấy khởi.

Lại nữa, kinh ấy dựa vào Giác chi trú trong chín địa mà nói cũng không trái với lý. Nghĩa là ở thời gian đầu ngày muốn trú trong Giác chi của ba địa như Vị chí Định..., thì lập tức có thể an trú; ở thời gian giữa ngày muốn trú trong Giác chi của địa thuộc ba Tĩnh lự sau, thì lập tức có thể an trú; vào thời gian cuối ngày muốn trú trong Giác chi của địa thuộc ba Vô sắc trước, thì lập tức có thể an trú, cho nên nói như thế không trái với cùng lúc dấy khởi.

Hoặc lại có người chấp: Cận phần Tĩnh lự có Hỷ-không có Giới. Hoặc lại có người chấp: Các địa từ Tĩnh lự trung gian trở lên có Chánh tư duy. Hoặc lại có người chấp: Trong địa Vô sắc cũng có thể có Giới. Vì ngăn chặn các loại chấp trước lạ lùng như vậy, và để hiển bày về chánh lý, cho nên soạn ra phần luận này.

Nếu dựa vào Vị chí Định, lúc Niệm giác chi hiện rõ ở trước mắt, thì sáu Giác chi-chín Đạo chi Vô học hiện rõ ở trước mắt. Trong này, sáu Giác chi là trừ ra Hỷ giác chi, chín Đạo chi là Chánh kiến-Chánh trí tùy theo trừ ra một loại, còn lại đều có đủ. Cách nói này tức là ngăn chặn cận phần Tĩnh lự có Hỷ-không có Giới. Cũng có tụng nói: Nếu dựa vào Vị chí Định có Tâm-có Tứ, thì Niệm giác chi hiện rõ ở trước mắt. Tuy đối với nghĩa không ích lợi gì mà vì loại trừ cho nên nói như vậy. như nơi khác nói: Dựa vào Vị chí là nói chung Tĩnh lự trung gian và Cận phần của địa trên, đều chưa đến nơi Định căn bản ấy, cho nên thiết lập tên gọi Vị chí. Nay bởi vì lược bỏ Tĩnh lự trung gian và Cận phần của địa trên, cho nên nói nếu dựa vào Vị chí Định có Tâm-có Tứ. Đây là hiển bày chỉ dựa vào Vị chí Định trước Tĩnh lự thứ nhất mà Niệm giác chi hiện rõ ở trước mắt.

Nếu dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, lúc Niệm giác chi hiện rõ ở trước mắt, thì bảy Giác chi- tám Đạo chi Học hiện rõ ở trước mắt, bảy Giác chi-chín Đạo chi Vô học hiện rõ ở trước mắt. Trong này, chín Đạo thì nói như trước, còn lại đều có đủ.

Nếu dựa vào Tĩnh lự trung gian, lúc Niệm giác chi hiện rõ ở trước mắt, thì sáu Giác chi-bảy Đạo chi Học hiện rõ ở trước mắt, sáu Giác chi-tám Đạo chi Vô học hiện rõ ở trước mắt. Dựa vào Tĩnh lự thứ ba-thứ tư cũng như vậy. Trong này, sáu Giác chi là trừ ra Hỷ giác chi, bảy Đạo chi Học là trừ ra Chánh tư duy, tám Đạo chi Vô học là trừ ra Hỷ giác chi, bảy Đạo chi Học là trừ ra Chánh tư duy, tám Đạo chi Vô học là trừ ra Chánh tư duy và Chánh kiến-Chánh trí tùy theo một loại. Cách nói này đã ngăn chặn cái chấp về địa trên cũng có Chánh tư duy.

Nếu dựa vào Tĩnh lự thứ hai, lúc Niệm giác chi hiện rõ ở trước mắt, thì bảy Giác chi-bảy Đạo chi Học hiện rõ ở trước mắt, bảy Giác chi-tám Đạo chi Vô học hiện rõ ở trước mắt địa này có Hỷ-không có Chánh tư duy, còn lại nói như trước.

Nếu dựa vào Định Vô sắc, lúc Niệm giác chi hiện rõ ở trước mắt, thì sáu Giác chi-bốn Đạo chi học hiện rõ ở trước mắt, sáu Giác chi-năm Đạo chi Vô học hiện rõ ở trước mắt. Trong này, sáu Giác chi là trừ ra Hỷ giác chi, bốn Đạo chi Học là trừ ra Chánh tư duy và Chánh ngữ-nghiệp-mạng, năm Đạo chi Vô học tức là trừ ra bốn loại trước và Chánh kiến-Chánh trí tùy theo một loại. Cách nói này đã ngăn chặn cái chấp về trong Định Vô sắc cũng có Giới.

Trạch pháp-Tĩnh tiến-Khinh an-Định-Xả giác chi, Chánh kiến-Chánh cần-Chánh niệm-Chánh định đạo chi, cũng như vậy; đều gồm chung tất cả các địa giống như Niệm giác chi. Đây chính là nói chung, có điểm sai biệt là nếu Chánh kiến Đạo chi hiện rõ ở trước mắt thì nhất định trừ ra Chánh trí.

Nếu dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, lúc Hỷ giác chi hiện rõ ở trước mắt, thì bảy Giác chi-tám Đạo chi Học hiện rõ ở trước mắt, bảy Giác chi-chín Đạo chi Vô học hiện rõ ở trước mắt. Trong này, chín Đạo chi là Chánh kiến-Chánh trí tùy theo trừ ra một loại, còn lại đều có đủ.

Nếu dựa vào Tĩnh lự thứ hai, lúc Hỷ giác chi hiện rõ ở trước mắt, thì bảy Giác chi-bảy Đạo chi Học hiện rõ ở trước mắt, bảy Giác chi-tám Đạo chi Vô học hiện rõ ở trước mắt. Trong này, bảy Đạo chi Học là trừ ra Chánh tư duy, tám Đạo chi Vô học là trừ ra Chánh tư duy và Chánh kiến-Chánh trí tùy theo một loại.

Hỏi: Tại sao địa Cận phần không có Hỷ giác chi?

Đáp: Bởi vì không phải là ruộng đất-đồ đựng. Lại nữa, các địa cận phần đã lìa nhiễm của địa dưới và chưa lìa nhiễm của địa dưới đều được hiện rõ trước mắt, chưa hiểm lạ lắm cho nên không sinh ra Hỷ; như lúc người bị trói chặt và cởi ra mà có được điều tốt đẹp, tâm đối với điều

này không lấy làm kỳ lạ, cho nên không sinh lòng vui mừng. Lại nữa, nếu địa Cận phần cũng có Hỷ, thì cùng với địa Căn bản sẽ không có sai biệt. Lại nữa, nếu địa Cận phần cũng có Hỷ, thì sẽ say đắm với Hỷ này chứ không mong cầu địa Căn bản; nếu như vậy thì sẽ ngăn ngại sự lìa nhiễm của địa dưới, như người giữa đường đi có điều làm cho say đắm, đối với chỗ đã hưởng về không thể nào mau chóng đến được. Vì vậy các địa Cận phần không có Hỷ giác chi.

Nếu dựa vào Vị chí Định, lúc Chánh tư duy hiện rõ ở trước mắt, thì sáu Giác chi tám Đạo chi Học hiện rõ ở trước mắt, sáu Giác chi-chín Đạo chi Vô học hiện rõ ở trước mắt. Trong này, sáu Giác chi là trừ ra Hỷ giác chi, chín Đạo chi là Chánh kiến-Chánh trí tùy theo trừ ra một loại, còn lại đều có đủ.

Nếu dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, lúc Chánh tư duy hiện rõ ở trước mắt, thì bảy Giác chi-tám Đạo chi Học hiện rõ ở trước mắt, bảy Giác chi-chín Đạo chi Vô học hiện rõ ở mắt. Trong này, chín Đạo chi Vô học thì như trước nên biết.

Hỏi: Vì sao địa trên không có Chánh tư duy?

Đáp: Bởi vì không phải là ruộng đất-đồ đựng. Lại nữa, vì đối trị tìm kiếm mong cầu địa trên, nếu trong địa trên cũng có tìm kiếm, thì sẽ không mong cầu phát khởi gia hạnh thù thắng. Lại nữa, nếu pháp của địa dưới mà địa trên đều có, vậy thì sẽ không có pháp diệt bỏ dần dần; nếu không có pháp diệt bỏ dần dần thì sẽ không có pháp diệt bỏ cuối cùng; nếu không có pháp diệt bỏ cuối cùng thì sẽ không có giải thoát-xuất ly và Niết-bàn. Đừng phát sinh sai lầm này! Vì thế cho nên địa trên không có Chánh tư duy. Lại nữa, Chánh tư duy thuộc về thô mà địa trên là vi tế. Lại nữa, Chánh tư duy là tướng tìm kiếm, địa trên không có tìm kiếm cho nên ở đó không có Chánh tư duy. Lại nữa, nếu trong địa có biểu nghiệp của thân-ngữ, và trong năm thức tùy theo một loại, thì có thể ở địa này có Chánh tư duy; trong địa trên không có biểu nghiệp của thân ngữ, và năm thức thân cho nên ở đó không có Chánh tư duy.

Nếu dựa vào Vị chí Định, lúc Chánh ngữ hiện rõ ở trước mắt, thì sáu Giác chi-tám Đạo chi Học hiện rõ ở mắt, sáu Giác chi-chín đạo chi Vô học hiện rõ ở trước mắt. Trong này, sáu Giác chi là trừ ra Hỷ giác chi, còn lại nói như trước.

Nếu dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, lúc Chánh ngữ hiện rõ ở trước mắt, thì bảy Giác chi-tám Đạo chi Học hiện rõ ở trước mắt. Trong này, chín Đạo chi Vô học thì như trước nên biết.

Nếu dựa vào Tĩnh lự trung gian, lúc Chánh ngữ hiện rõ ở trước

mắt, thì sáu Giác chi-bảy Đạo chi Học hiện rõ ở trước mắt, sáu Giác chi-tám Đạo chi Vô học hiện rõ ở trước mắt. Dựa vào Tĩnh lự thứ ba-thứ tư cũng như vậy. trong này, sáu Giác chi là trừ ra Hỷ giác chi, bảy Đạo chi Học là trừ ra Chánh tư duy, tám Đạo chi Vô học là trừ ra Chánh tư duy và Chánh kiến-Chánh trí tùy theo một loại.

Nếu dựa vào Tĩnh lự thứ hai, lúc Chánh ngữ hiện rõ ở trước mắt, thì bảy Giác chi bảy Đạo chi Học hiện rõ ở trước mắt, bảy Giác chi-tám Đạo chi Vô học hiện rõ ở trước mắt. Trong này, bảy Đạo chi Học-tám Đạo chi Vô học đều nói như trước. Chánh nghiệp và Chánh mạng cũng như vậy, bởi vì đều chỉ có ở sáu địa.

Hỏi: Vì sao Vô sắc không có ba loại Giới như Chánh ngữ...?

Đáp: Bởi vì không phải là ruộng đất-đồ đựng. Lại nữa, Giới là một phần sắc, Vô sắc không có sắc cho nên ở đó không có Giới. Lại nữa, Giới là do Đại chủng mà tạo ra, Vô sắc không có Đại chủng cho nên cũng không có Giới.

Hỏi: Đã không có Đại chủng vô lậu, cũng sẽ không có Giới vô lậu chăng?

Đáp: Giới do Đại chủng mà được tạo thành, sắc không do Đại chủng mà thành, vô lậu chỉ do sức mạnh của tâm tạo thành vô lậu. Lại nữa, chán ngán lo sợ các sắc mà tiến vào Định Vô sắc, Giới là sắc cho nên trong địa ấy không có. Lại nữa, nếu Định Vô sắc vẫn còn có sắc, thì sẽ không có pháp diệt bỏ dần dần, cho đến nói rộng ra, vì vậy ở đó không có Giới. Lại nữa, đối trị ác giới cho nên có thiện giới, Định của cõi Vô sắc không thể nào đối trị các pháp thuộc ác giới, cho nên không có thiện giới. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì các pháp thuộc ác giới chỉ có ở cõi Dục, Vô sắc đối với Dục chỉ có đủ bốn loại cách xa cho nên không thể nào đối trị được. Thế nào là bốn loại cách xa? Đó là:

1. Cách xa sở duyên.
2. Cách xa sở y.
3. Cách xa hành tướng.
4. Cách xa đối trị.

Vì vậy, Định Vô sắc không có ba loại chi thuộc Giới như Chánh ngữ ...

Có ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề, đó là bốn Niệm trú, bốn Chánh thắng, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, tám Đạo chi. Đức Thế Tôn tuy nói pháp phần Bồ-đề mà không nói là ba mươi bảy loại, chỉ nói bảy Giác chi gọi là pháp phần Bồ-đề. Tại sao biết như vậy? bởi vì lấy kinh làm Lượng. Nghĩa là trong kinh nói: “Có một Tỳ-kheo đi

đến nơi Đức Phật, đầu lay sát hai chân rồi lùi lại đứng về một bên mà thưa với Đức Phật rằng: Như Đức Thế Tôn nói bảy Giác chi thì cái gì là bảy Giác chi? Đức Thế Tôn nói cho biết rằng: Tức là bảy loại pháp phần Bồ-đề gọi là bảy Giác chi.”

Hỏi: Pháp phần Bồ-đề có ba mươi bảy loại, vì sao Đức Thế Tôn chỉ nói bảy Giác chi gọi là pháp phần Bồ-đề?

Đáp: Đức Phật thuận theo Tỳ-kheo đã hỏi mà trả lời, Tỳ-kheo chỉ hỏi về bảy Giác chi, cho nên Đức Phật chỉ nói là bảy pháp phần Bồ-đề; nếu Tỳ-kheo ấy hỏi về bốn Niệm trú cho đến nếu hỏi về tám Đạo chi, thì Đức Phật cũng thuận theo Tỳ-kheo ấy đã hỏi mà trả lời từng loại một. Lại nữa, trong kinh ấy chỉ nói đến pháp phần Bồ-đề vô lậu, chỉ riêng bảy Giác chi luôn luôn là vô lậu, cho nên chỉ nói đến bảy Giác chi, còn lại gồm chung hữu lậu cho nên kinh ấy không nói.

Có người đưa ra cách nói này: Trong kinh khác cũng nói đầy đủ là có ba mươi bảy loại pháp phần Bồ-đề, thời gian đã lâu xa cho nên kinh ấy diệt mất không còn. Vì sao biết như vậy? Bởi vì như Tôn giả Đạt-lai-đạt-đa kia đưa ra cách nói như vậy: “Đức Thế Tôn có lúc nói một Đạo chi, có lúc nói hai, cho đến có lúc nói ba mươi bảy, tức là ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề. Như thí dụ về cán rìu, trong kinh nói: Ở trong ba mươi bảy pháp tu đạo, nếu chỉ chọn lấy pháp quyết định, thì nên nói là bảy loại pháp tu đạo, đó là bảy Giác chi, bởi vì chỉ riêng vô lậu. Nếu chỉ chọn pháp không quyết định, thì nên nói đến pháp tu đạo của sáu phần vị còn lại, đó là bốn niệm trú cho đến tám Đạo chi, bởi vì gồm chung hữu lậu và vô lậu. Nếu chọn lấy tất cả pháp quyết định và không quyết định, thì nên nói là ba mươi bảy loại pháp tu đạo, đó là sáu phần vị trước và bảy Giác chi. Vì vậy ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề, cũng là kinh mà Đức Thế Tôn đã nói.”

Hỏi: Pháp phần Bồ-đề thì tên gọi có ba mươi bảy loại, Thế thật sự có mấy loại?

Đáp: Thế thật sự của pháp này có mười một hoặc là mười hai. Nếu đem tất cả thân nhiếp vào Giác chi thì tức là bảy Giác chi, tên gọi đã có bảy thì thế thật sự cũng là bảy. Tín-Chánh tư duy đều chỉ có một loại. Chánh ngữ-nghiệp-mạng, có lúc nói là hai, bởi vì Chánh mạng tức là Chánh ngữ-nghiệp; có lúc nói là ba, bởi vì ngoài Chánh ngữ-nghiệp còn có chánh mạng. Nếu nói là hai thì chỉ có mười một, nếu nói là ba thì có mười hai. Nguyên cơ thế nào? Đó là bởi vì bốn Niệm trú-Tuệ căn-Tuệ lực-Chánh kiến, thân nhiếp vào Trạch pháp Giác chi; bốn Chánh thắng-Tinh tiến căn-Tinh tiến lực-Chánh cần, thân nhiếp vào Tinh tiến

Giác chi; bốn Thần túc-Định căn-Định lực-Chánh định, thâm nhiếp vào Định giác chi; Niệm căn-Niệm lực-Chánh niệm, thâm nhiếp vào Niệm giác chi; Tín căn-Tín lực gộp lại làm Tín.

Nếu đem tất cả thâm nhiếp vào Đạo chi thì tức là tám Đạo chi, tên gọi tuy có tám mà Thể thật sự thì không nhất định. Nếu nói Chánh mạng tức là Chánh ngữ-nghiệp, thì Thể thật sự chỉ có bảy; nếu nói Chánh mạng không phải là Chánh ngữ-nghiệp, thì Thể thật sự có tám. Lại có bốn pháp Tín-Hỷ-Khinh an-xả, cho nên cũng là mười một, hoặc là có mười hai. Nguyên cố thế nào? Đó là bởi vì bốn niệm trú-Tuệ căn-Tuệ lực-Trạch pháp giác chi, thâm nhiếp vào Chánh kiến; bốn Chánh thắng-Tinh tiến căn-Tinh tiến lực-Tinh tiến Giác chi, thâm nhiếp vào Chánh căn; bốn Thần túc-Định căn-Định lực-Định giác chi, thâm nhiếp vào Chánh định; Niệm căn-Niệm lực-Niệm giác chi, thâm nhiếp vào Chánh niệm; Tín căn-Tín lực hợp lại làm Tín.

Có người đưa ra cách nói này: Chánh ngữ-nghiệp-mạng bởi vì tự tánh là Giới, cho nên hợp lại làm một. Hoặc là nói như vậy: Pháp phần Bồ-đề thì tên gọi có ba mươi bảy loại, Thể thật sự chỉ có mười.

Như tên gọi và thật thể như vậy; tên gọi thi thiết;-Thể thi thiết, tên gọi khác tướng-Thể khác tướng, tên gọi khác tánh-Thể khác tánh, tên gọi sai biệt-Thể sai biệt, tên gọi phân biệt-Thể phân biệt, tên gọi là Giác-Thể là giác, nên biết cũng như vậy.

Như vậy gọi là tự tánh của pháp phần Bồ-đề, tự Thể của ngã-vật, bốn tánh của tướng phần. Đã nói về tự tánh, nguyên cố nay sẽ nói đến.

Hỏi: Vì sao gọi là pháp phần Bồ-đề, pháp phần Bồ-đề là nghĩa gì?

Đáp: Tận trí-Vô sinh trí nói tên gọi là Bồ-đề, bởi vì đã hoàn toàn giác ngộ về bốn Thánh đế. Nếu pháp tùy thuận với thể dụng tăng thượng của sự giác ngộ hoàn toàn này, thì trong này nói là pháp phần Bồ-đề. Đã giải thích về tên gọi chung, nguyên cố của mỗi một loại nay cần phải giải thích riêng biệt.

Hỏi: Vì sao gọi là Niệm trí cho đến Đạo chi?

Đáp: Nhờ vào thế lực của Niệm phân tích loại bỏ tự thể, cho nên gọi là Niệm trú; tự Thể tức là năm uẩn hữu lậu, cần phải nhờ vào Niệm trú mà phân tích loại bỏ nó. Ở trong sự đích thực giữ gìn và thúc đẩy thân-ngữ-ý thì pháp này là thù thắng nhất, cho nên gọi là Chánh thắng, hoặc gọi là Chánh đoạn. Vào lúc đang tu tập pháp tu về đoạn, có năng lực hết lười nhác uể oải, cho nên gọi là Chánh đoạn. Có thể làm nơi



nuờng tựa của công đức thần diệu, cho nên gọi là Thần túc. Thế dụng tăng mạnh cho nên gọi là Căn. Khó có thể kèm hãm khuất phục, cho nên gọi là Lực. Giúp đỡ sự giác ngộ đúng như thật, cho nên gọi là Giác chi. Giúp đỡ hướng về sự mong cầu chính đáng, cho nên gọi là Đạo chi.

Hỏi: Nói Giác chi ấy là nghĩa gì vậy? vì có thể giác ngộ cho nên gọi là Giác chi, hay vì cành nhánh của giác chi cho nên gọi là Giác chi? Nếu như có thể giác ngộ cho nên gọi là Giác chi, thì lẽ ra một đúng mà sáu không đúng; nếu như cành nhánh của giác ngộ cho nên gọi là Giác chi, thì lẽ ra sáu đúng mà một không đúng.

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Pháp này có thể giác ngộ cho nên gọi là Giác chi.

Hỏi: Nếu như vậy thì lẽ ra một đúng mà sáu không đúng? Đáp: Sáu là thành phần của giác luôn luôn tùy thuận với giác, thuận theo hơn hẳn mà nói cho nên cũng gọi là Giác chi. Lại có người nói: Là cành nhánh của giác ngộ cho nên gọi là Giác chi.

Hỏi: Nếu như vậy thì lẽ ra sáu đúng mà một không đúng?

Đáp: Trạch pháp là giác cũng là Giác chi, sáu pháp còn lại là Giác chi mà không phải là giác; như Chánh kiến là đạo cũng là Đạo chi, bảy pháp còn lại là Đạo chi mà không là đạo; tâm một cảnh với tánh là Tĩnh lực cũng là chi thuộc Tĩnh lực, những loại còn lại là chi thuộc Tĩnh lực mà không phải là Tĩnh lực; từ bỏ ăn không đúng lúc là Trai cũng là chi thuộc Trai, những loại còn lại là chi thuộc Trai mà không phải là Trai. Ở đây cũng như vậy.

Hỏi: Nói Đạo chi ấy là nghĩa gì vậy? Vì có thể cầu mong hướng đến cho nên gọi là Đạo chi, hay vì phần nhánh của Đạo cho nên gọi là Đạo chi? Nếu có thể cầu mong hướng đến cho nên gọi là Đạo chi, thì lẽ ra một đúng mà bảy không đúng; nếu như phần nhánh của Đạo cho nên gọi là Đạo chi, thì lẽ ra bảy đúng mà một không đúng.

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Pháp này có thể cầu mong hướng đến cho nên gọi là Đạo chi.

Hỏi: Nếu như vậy thì lẽ ra một đúng mà bảy không đúng?

Đáp: Bảy là thành phần của Đạo luôn luôn tùy thuận với Đạo, thuận theo hơn hẳn mà nói cho nên cũng gọi là Đạo chi. Lại có người nói: Là phần nhánh của Đạo cho nên gọi là Đạo chi.

Hỏi: Nếu như vậy thì lẽ ra bảy đúng mà một không đúng?

Đáp: Chánh kiến là Đạo cũng là Đạo chi, bảy pháp còn lại là Đạo chi mà không phải là Đạo; như Trạch pháp là Giác mà cũng là Giác chi,



sâu pháp còn lại là Giác chi mà không phải là Giác. Còn lại nói như trước.

Đã nói về pháp phần Bồ-đề, nguyên cơ theo thứ tự nay sẽ nói đến.

Hỏi: Vì sao trước hết nói về bốn Niệm trú, cho đến cuối cùng nói về tám Đạo chi?

Đáp: bởi vì pháp tùy thuận với căn từ khéo léo theo thứ tự. Lại nữa, bởi vì pháp tùy thuận người nói-người tiếp thu dễ dàng theo thứ tự. Lại nữa, bốn Niệm trú từ địa bắt đầu tu tập cho đến Tận trí-Vô sinh trí, thế dụng luôn luôn hơn hẳn, cho nên nói đến trước tiên; bốn Chánh thắng từ Noãn cho đến Tận trí-Vô sinh trí, thế dụng luôn luôn hơn hẳn, cho nên nói tiếp sau; năm Căn từ Nhẫn cho đến Tận trí-Vô sinh trí, thế dụng luôn luôn hơn hẳn, cho nên nói tiếp sau; tám Đạo chi hơn hẳn trong Kiến đạo, bảy Giác chi hơn hẳn trong Tu đạo.

Hỏi: Vì sao tám Đạo chi hơn hẳn trong Kiến đạo, bảy Giác chi hơn hẳn trong Tu đạo?

Đáp: Nghĩa cầu mong hướng về là nghĩa của Đạo chi, Kiến đạo nhanh chóng không vượt qua tâm mong mỏi, thuận theo nghĩa cầu mong hướng về cho nên tám Đạo chi hơn hẳn trong Kiến đạo; nghĩa giác ngộ là nghĩa của Giác chi, chín phẩm Tu đạo thường xuyên giác ngộ, thuận theo nghĩa giác ngộ cho nên bảy Giác chi hơn hẳn trong Tu đạo.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao trước là nói đến bảy Giác chi, sau mới nói đến tám Đạo chi?

Đáp: bởi vì pháp tùy thuận với văn từ khéo léo theo thứ tự. Lại nữa, bởi vì pháp tùy thuận người nói-người tiếp thu dễ dàng theo thứ tự. Lại nữa, bởi vì pháp tùy thuận với số tăng theo thứ tự, đó là trước hết nói bốn, tiếp sau nói năm, tiếp sau nói bảy, cuối cùng nói tám. Lại nữa, bởi vì bày pháp thanh tịnh dần dần tăng lên, đó là trước hết tu bốn, tiếp theo tu năm, tiếp theo tu bảy, sau cùng tu tám.

Có Sư khác nói: Những người tu hành, trước hết do Niệm trú đối với các cảnh như thân..., biết rõ ràng như thật về tự tướng-cộng tướng, loại bỏ ngu muội về tự tướng và ngu muội về sở duyên, dẫn dắt phát khởi các pháp thiện, như người có mắt dẫn đường cho người mù, vì vậy đầu tiên nói đến bốn Niệm trú. Do sức mạnh của Niệm trú biết rõ ràng về cảnh rồi, đối với sự tu tập và đoạn trừ, có năng lực phát khởi Chánh căn, cho nên thứ hai là nói đến bốn Chánh thắng. Do sức mạnh của Chánh thắng làm cho trong sự nối tiếp nhau, sai lầm thì giảm bớt mà công đức tăng thêm, đối với pháp Định thù thắng có năng lực đích thực

tu tập, cho nên thứ ba là nói đến bốn Thần túc. Do sức mạnh của Thần túc làm cho năm căn như Tín... làm duyên tăng thượng cho pháp xuất thế, cho nên thứ tư là nói đến năm Căn. Nghĩa về Căn đã thành tựu có thể dẫn đến nẻo ác, phiền não ác nghiệp không thể nào làm cho khuất phục, cho nên thứ năm là nói đến năm Lực. Nghĩa về Lực đã thành tựu có thể hiểu biết đúng như thật về cảnh của bốn Thánh đế, không có gì do dự, cho nên thứ sáu là nói đến bảy Giác chi. Đã hiểu biết đúng như thật về bốn Thánh đế rồi, chán ngán mà rời bỏ sinh tử, vui mừng hưởng về Niết-bàn, cho nên thứ bảy là nói đến tám Đạo chi.

**Lời bình:** Nên biết trong này cách nói trước là hơn hẳn, bởi vì phần vị Tu đạo gần bên cạnh Bồ-đề, thuận với nghĩa của Giác hơn hẳn cho nên nói là Giác chi. Vả lại, chín phẩm-chín địa thuộc phần vị Tu đạo, thường xuyên có năng lực giác ngộ hơn hẳn Giác chi.

Như vậy đã nói tổng quát về thứ tự bảy phần vị của pháp phần Bồ-đề, nay sẽ nói riêng biệt về thứ tự hai phần vị Giác chi và Đạo chi.

Hỏi: Vì sao trong bảy Giác chi thì trước tiên nói đến Niệm giác chi, cho đến cuối cùng nói về Xả giác chi?

Đáp: Bởi vì pháp tùy thuận với căn từ khéo léo theo thứ tự. Lại nữa, bởi vì pháp tùy thuận người nói-người tiếp thu dễ dàng theo thứ tự.

Tôn giả Diệu Âm đưa ra cách nói như vậy: “Người đã thấy Đế, nhớ lại sự việc đã hiện quán ở thời gian trước mà làm hàng đầu, tu tập giác chi làm cho dần dần trọn vẹn đầy đủ.”

Như trong kinh nói: “Người ấy đối với pháp này giữ chặt niệm tư duy khiến cho không sai lạc mê lầm, khởi lên Niệm giác chi tu tập làm cho đầy đủ trọn vẹn. Niệm đầy đủ trọn vẹn rồi đối với pháp chọn lựa-suy tính đăn đo-quán sát, khởi lên Trạch pháp giác chi tu tập làm cho đầy đủ trọn vẹn. Trạch pháp đầy đủ trọn vẹn rồi, phát khởi thường xuyên tỉnh tiến, tâm không lui sụt rời bỏ, khởi lên Tinh tiến giác chi tu tập làm cho đầy đủ trọn vẹn. Tinh tiến đầy đủ trọn vẹn rồi, phát sinh niềm vui thù thắng, tâm không nhiễm theo, khởi lên Hỷ giác chi tu tập làm cho đầy đủ trọn vẹn, Hỷ đầy đủ trọn vẹn rồi, thân tâm thư thái lìa bỏ hôn trầm, khởi lên Khinh an giác chi tu tập làm cho đầy đủ trọn vẹn. Khinh an đầy đủ trọn vẹn rồi, thân tâm vui sướng đạt được tam-ma-địa, khởi lên Định giác chi tu tập làm cho đầy đủ trọn vẹn. Định đầy đủ trọn vẹn rồi, xa lìa tham lam-lo buồn, tâm liền trú vào xả bỏ, khởi lên Xả giác chi tu tập làm cho đầy đủ trọn vẹn.” Do đó, bảy Giác chi theo thứ tự như vậy.

Hỏi: Vì sao trong tám Đạo chi trước tiên nói đến chi Chánh kiến, cho đến cuối cùng nói về chi Chánh định?

Đáp: Bởi vì pháp tùy thuận với văn từ khéo léo thứ tự. Lại nữa, bởi vì pháp tùy thuận người nói-người tiếp thu dễ dàng theo thứ tự.

Tôn giả Diệu Âm đưa ra cách nói như vậy: “Người cầu mong thấy Đấng đối với sự hiện quán thì Chánh kiến làm đầu tiên, tu tập Đạo chi làm cho dần dần đầy đủ trọn vẹn.”

Như trong kinh nói: “Do Chánh kiến cho nên khởi lên Chánh tư duy, do Chánh tư duy cho nên có được Chánh ngữ, do Chánh ngữ cho nên lại có được Chánh nghiệp, do Chánh nghiệp cho nên lại có được Chánh mạng, do Chánh mạng cho nên phát khởi Chánh cần, do Chánh cần cho nên liền dấy khởi Chánh niệm, do Chánh niệm cho nên có năng lực dấy khởi Chánh định.” Do đó, tám Đạo chi theo thứ tự như vậy.

Đã nói về thứ tự, địa sở y nay sẽ nói đến.

Hỏi: Địa nào có mấy pháp phần Bồ-đề?

Đáp: Trong Vị chí Định có ba mươi sáu, trừ ra Hỷ giác chi; trong Tĩnh lực thứ nhất có đủ ba mươi bảy; Tĩnh lực trung gian và Tĩnh lực thứ ba-thứ tư đều chỉ có ba mươi lăm, trừ ra Hỷ giác chi và Chánh tư duy; Tĩnh lực thứ hai có ba mươi sáu, trừ ra Chánh tư duy; ba Vô sắc trước có ba mươi hai, trừ ra Hỷ giác chi và Chánh tư duy-Chánh ngữ-nghiệp-mạng; cõi Dục và Hữu Đảnh đều có hai mươi hai, trừ ra Giác chi-Đạo chi bởi vì chỉ riêng vô lậu. Nếu trước Giác chi mà nói đến Đạo chi, thì cõi Dục và Hữu Đảnh cũng có Đạo chi bởi vì gồm chung hữu lậu.

Đã nói về địa sở y, hiện rõ ở trước mắt nay sẽ nói đến.

Hỏi: Địa nào có mấy pháp phần Bồ-đề cùng lúc hiện rõ trước mắt?

Đáp: Trong Vị chí Định có ba mươi sáu pháp phần Bồ-đề, chỉ có ba mươi ba pháp cùng lúc hiện rõ trước mắt, trừ ra ba Niệm trú. Nguyên có thế nào? Bởi vì bốn Niệm trú khác nhau về sở duyên, hãy còn không có hai loại cùng lúc hiện rõ trước mắt, huống gì có ba bốn hay sao? Trong Tĩnh lực thứ nhất có đủ ba mươi bảy, chỉ có ba mươi bốn pháp cùng lúc hiện rõ trước mắt, trừ ra ba Niệm trú. Tĩnh lực trung gian và Tĩnh lực thứ ba-thứ tư đều có ba mươi lăm, chỉ có ba mươi hai pháp cùng lúc hiện rõ trước mắt, trừ ra ba Niệm trú. Tĩnh lực thứ hai có ba mươi sáu, chỉ có ba mươi ba pháp cùng lúc hiện rõ trước mắt, trừ ra ba Niệm trú. Ba Vô sắc trước có ba mươi hai, chỉ có hai mươi chín pháp cùng lúc hiện rõ trước mắt, trừ ra ba Niệm trú. Cõi Dục và Hữu Đảnh có hai mươi hai, chỉ có mười chín pháp cùng lúc hiện rõ trước mắt, trừ ra ba Niệm trú. Phần còn

lại tùy theo nghĩa đã nói không cần phải phân biệt về Thể.

Đã nói về hiện rõ ở trước mắt, tướng xen tạp và không xen tạp nay sẽ nói đến.

Hỏi: Trong ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề này, các pháp là Giác chi cũng là Đạo chi chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có pháp là Giác chi chứ không phải là Đạo chi, đó là Hỷ-Khinh an và Xả.

2. Có pháp là Đạo chi chứ không phải là Giác chi, đó là Chánh tư duy-Chánh ngữ-Nghiệp-mạng.

3. Có pháp là Giác chi cũng là Đạo chi, đó là trừ ra Tín, còn lại các pháp phần Bồ-đề.

4. Có pháp không phải là Giác chi cũng không phải là Đạo chi, đó là Tín.

Hỏi: Vì sao thiết lập Hỷ làm Giác chi?

Đáp: Nghĩa thuận với giác ngộ là nghĩa của Giác chi, Hỷ thuận với nghĩa thù thắng ấy cho nên thiết lập làm Giác chi.

Hỏi: Thế nào là Hỷ thuận với nghĩa thù thắng ấy?

Đáp: Bởi vì trong Tu đạo thì chín phẩm-chín địa thường xuyên tu pháp Giác thù thắng, Như Như đối với Đế có thể Giác đúng như thật, như vậy phát sinh pháp Hỷ thù thắng; Như Như sinh ra pháp Hỷ, như vậy và như vậy lại vui thích đối với Đế khởi lên Giác đúng như thật. Như người đào đất gặp được các vật báu, Như Như đào đất như vậy và như vậy gặp được vật báu sinh lòng vui sướng; Như Như gặp được vật báu sinh lòng vui sướng, như vậy và như vậy lại vui thích đào đất. Ở đây cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao không thiết lập Hỷ làm Đạo chi?

Đáp: Nghĩa thuận theo mong cầu hưởng về là nghĩa của Đạo chi, Hỷ không phải là thuận với nghĩa thù thắng ấy cho nên không thiết lập làm Đạo chi.

Hỏi: Thế nào là Hỷ không thuận với nghĩa thù thắng ấy?

Đáp: Như Như đối với Đế phát sinh pháp Hỷ thù thắng, như vậy và như vậy vui với an trú mà không rời bỏ, cho nên đối với mong cầu hưởng về thì Hỷ không phải là tùy thuận. Như người trên đường đi có những điều say đắm thích thú, đối với nơi mà mình hưởng về không thể nào nhanh chóng đến nơi được. Ở đây cũng như vậy.

Hỏi: vì sao Khinh an và Xả đều thiết lập làm Giác chi?

Đáp: Nghĩa thuận với giác ngộ là nghĩa của Giác chi, Khinh an và

Xả thuận với nghĩa thù thắng ấy cho nên đều thiết lập làm Giác chi.

Hỏi: Thế nào là Khinh an và Xả đều thuận với nghĩa thù thắng ấy?

Đáp: Nhờ vào sức mạnh của Khinh an chấm dứt các việc làm trú trong Xả bình đẳng, thì đã có năng lực đối với Đế khởi lên Giác đúng như thật, cho nên thuận với nghĩa thù thắng ấy.

Hỏi: Vì sao Khinh an và Xả không thiết lập làm Đạo chi?

Đáp: Nghĩa thuận với mong cầu hướng về là nghĩa của Đạo chi, Khinh an và Xả không phải là thuận với nghĩa thù thắng ấy cho nên không thiết lập làm Đạo chi.

Hỏi: Thế nào là Khinh an và Xả đều thuận với nghĩa thù thắng ấy?

Đáp: Nhờ vào sức mạnh của Khinh an chấm dứt các việc làm trú trong Xả bình đẳng, thì đã có năng lực đối với Đế khởi lên Giác đúng như thật, cho nên thuận với nghĩa thù thắng ấy.

Hỏi: Vì sao Khinh an và Xả không thiết lập làm Đạo chi?

Đáp: Nghĩa thuận với mong cầu hướng về là nghĩa của Đạo chi, Khinh an và Xả không phải là thuận với nghĩa thù thắng ấy cho nên không thiết lập làm Đạo chi.

Hỏi: Thế nào là hai pháp này không thuận với nghĩa thù thắng ấy?

Đáp: Khinh an ngừng mong cầu, Xả không thích hướng về, cùng với nghĩa mong cầu hướng về luôn luôn trái ngược nhau; như đi và đứng, ngủ và thức luôn luôn trái ngược nhau, ở đây cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao Chánh tư duy thiết lập làm Đạo chi chứ không phải là Giác chi?

Đáp: Nghĩa là thuận với mong cầu hướng về là nghĩa của Đạo chi, pháp ấy thúc đẩy Chánh kiến mong cầu ra khỏi sinh tử nhanh chóng hướng về Niết-bàn; như dùng roi đánh trâu mau chóng có nơi đến, cho nên thiết lập làm Đạo chi. cầu mong hướng về không ngừng nghỉ là Chánh tư duy Giác chi, nghĩa an tĩnh không thuận với nhau, những pháp an tĩnh có năng lực Giác đúng như thật, vì thế cho nên không thiết lập Chánh tư duy làm Giác chi.

Hỏi: Vì sao Chánh ngữ-nghiệp-mạng thiết lập làm Đạo chi chứ không phải là Giác chi?

Đáp: Nghĩa thuận với mong cầu hướng về là nghĩa của Đạo chi, Chánh ngữ-nghiệp-mạng như ổ cốt xe có thể làm thành bánh xe Kiến đạo, nghĩa thuận với mong cầu hướng về cho nên thiết lập làm Đạo chi.

nghĩa thuận với giác ngộ là nghĩa của Giác chi, giác ngộ không phải là Sắc mà là tướng ứng, có sở y, có sở duyên, có hành tướng, có cảnh giác; Chánh ngữ-mạng cùng với những loại ấy trái ngược nhau, cho nên không thiết lập làm Giác chi.

Hỏi: Vì sao Tín không thiết lập Giác chi và Đạo chi?

Đáp: lúc mới phát tâm thì tác dụng của Tín tăng cao, đã tiến vào phần vị bậc Thánh thì tu Giác chi-Đạo chi, thời gian không giống nhau cho nên không thiết lập cả hai. Lại nữa, các pháp thanh tịnh đối với phẩm thanh tịnh, tướng có loại đầy đủ trọn vẹn, có loại không đầy đủ trọn vẹn. Đầy đủ trọn vẹn, đó là có đủ tướng của Căn-Lực-Giác chi-Đạo chi, cùng với loại này trái ngược nhau gọi là không đầy đủ trọn vẹn. Trong pháp không đầy đủ trọn vẹn, có tướng Giác chi mà không có tướng Đạo chi, thì thiết lập làm Giác chi chứ không phải là Đạo chi, như Hỷ-Khinh an và Xả; có tướng Đạo chi mà không có tướng Giác chi, thì thiết lập làm Đạo chi chứ không phải là Giác chi, như Chánh Đạo chi, như Niệm-Định-Tuệ... Trong pháp không đầy đủ trọn vẹn, không có tướng Giác chi và Đạo chi, thì cả hai đều không thiết lập, như Tín.

Hỏi: Vì sao không thiết lập tâm làm pháp phần Bồ-đề?

Đáp: Bởi vì tâm không có tướng của pháp phần Bồ-đề. Lại nữa, tâm ở trong phẩm tạp nhiễm và thanh tịnh đều có thể dụng bằng nhau, pháp phần Bồ-đề thì thế dụng chỉ tăng đối với phẩm thanh tịnh, cho nên không thiết lập. Lại nữa, pháp phần Bồ-đề duyên nhiều với cộng tướng, tâm duyên nhiều với tự tướng, cho nên không thiết lập. Lại nữa, pháp phần Bồ-đề duyên nhiều với cộng tướng, tâm duyên nhiều với tự tướng, cho nên không thiết lập. Lại nữa, pháp phần Bồ-đề đối trị phiền não, tất cả phiền não đều là tâm sở, cho nên có thể đối trị cũng không phải là tâm. Lại nữa, pháp phần Bồ-đề giúp đỡ cho Bồ-đề, tâm vương không cần phải giúp đỡ cho Giác, như vua không có nghĩa giúp đỡ cho bề tôi. Lại nữa, tâm làm cho sinh tử luân chuyển vô cùng vô tận, pháp phần Bồ-đề có thể đoạn dứt sinh tử, nghĩa không tương ứng cho nên không thiết lập. Lại nữa, pháp phần Bồ-đề có năng lực điều phục tâm, những gì không thể điều phục thì có thể điều phục thân nghiệp. Những người có mong muốn làm cho Định tức là tâm, nói tâm cũng là pháp phần Bồ-đề, điều đó trái với lý nên không phải là ở đây bàn đến.

Hỏi: Trong pháp Đại địa tại sao thiết lập Niệm-Định-Tuệ-Thọ làm pháp phần phân biệt?

Đáp: Ba pháp Niệm-Định-Tuệ thuận với phẩm thanh tịnh có thể dụng tăng mạnh, pháp phần Bồ-đề cũng lại như vậy, cho nên thân nghiệp

ba pháp này; Thọ ở trong phẩm tạp nhiễm và thanh tịnh đều có thể dụng hơn hẳn, cho nên cũng thiết lập làm pháp phần Bồ-đề.

Có Sư khác nói: Thọ đối với tạp nhiễm tuy có thể dụng hơn hẳn mà làm sự lợi ích cho phẩm thanh tịnh, như giòng Chiên-đô-la tuy thấp hèn mà làm việc lợi ích cho giòng họ cao sang, cho nên cũng thiết lập làm pháp phần Bồ-đề. Tướng-Tư-Xúc-Dục chỉ tăng thế dụng đối với phẩm tạp nhiễm, cho nên không thiết lập làm pháp phần Bồ-đề. Thắng giải chỉ tăng lên đối với quán Giả tướng, pháp phần Bồ-đề thuận với quán chân thật, vì thế cho nên Thắng giải không phải là do pháp phần Bồ-đề thâm nhiếp.

Có Sư khác nói: Pháp phần Bồ-đề chỉ tăng lên ở phần vị Học, đến phần vị Vô học thì Thắng giải mới hơn hẳn, cho nên không thiết lập làm pháp phần Bồ-đề. Tác ý đối với cảnh làm cho tâm phát sinh giác ngộ dễ lạc mất không nhất định, pháp phần Bồ-đề khiến cho tâm trú trong phát sinh giác ngộ dễ lạc mất không nhất định, pháp phần Bồ-đề khiến cho tâm trú trong cảnh, nghĩa không tương ứng cho nên cũng không thiết lập.

Có Sư khác nói: Lúc bắt đầu chọn lấy cảnh thì lực của Tác ý hơn hẳn, đến lúc cảnh nối tiếp nhau thì lực ấy dần dần ít lại, pháp phần Bồ-đề cần phải chọn lấy cảnh rồi trải qua thời gian dài mới có, nghĩa không tương ứng cho nên cũng không thiết lập.

Hỏi: Vì sao ba Thọ đều gồm chung vô lậu, mà chỉ thiết lập Hỷ làm pháp phần Bồ-đề?

Đáp: Bởi vì Lạc thọ-Xả thọ không có tướng của pháp phần Bồ-đề. Lại nữa, pháp phần Bồ-đề là hành tướng mạnh mẽ nhanh nhạy, Lạc-Xả thì chậm chạp kém cõi, cho nên cả hai Thọ đều không thiết lập. Lại nữa, Lạc thọ vô lậu bị Lạc của Khinh an làm cho che lấp tổn hại, Xả bị hành Xả làm cho che lấp tổn hại, bởi vì tướng không rõ ràng cho nên không thiết lập làm pháp phần Bồ-đề.

Hỏi: Vì sao Tâm và Tứ đều gồm chung vô lậu, mà chỉ thiết lập Tâm làm pháp phần Bồ-đề?

Đáp: Bởi vì Tứ không có tướng ấy cho nên không thiết lập. Lại nữa, pháp phần Bồ-đề là hành tướng mạnh mẽ nhanh nhạy, tác dụng của Tứ bé nhỏ yếu kém, cho nên không thiết lập. Lại nữa, tác dụng của Tứ bị Tâm làm cho che lấp tổn hại, tác dụng của Tâm chỉ tăng lên đối với sự thúc đẩy Chánh kiến, cho nên Tứ không thiết lập làm pháp phần Bồ-đề.

Hỏi: Trong pháp Đại thiện địa vì sao chỉ thiết lập bốn loại Tín-



Tinh tiến-Khinh an-Xả làm pháp phần Bồ-đề?

Đáp: Bởi vì bốn loại này thuận với Bồ-đề mạnh hơn, cho nên chỉ thiết lập bốn loại ấy làm pháp phần Bồ-đề. Nghĩa là hướng đến Bồ-đề thì Tín làm hàng đầu, sắp phát khởi các hạnh thì Tín làm nền tảng đầu tiên, cho nên thiết lập Tín làm pháp phần Bồ-đề; Tinh tiến thúc đẩy tất cả các hành tướng hướng đến Bồ-đề, làm cho nhanh chóng hướng về Bồ-đề của ba Thừa, cho nên cũng thiết lập làm pháp phần Bồ-đề; Khinh an điều hòa thích hợp đối trị với hôn trầm, giúp đỡ mạnh hơn cho phẩm Quán; hành Xả bình đẳng đối trị với trạo cử, giúp đỡ mạnh hơn cho phẩm Chỉ; trong pháp phần Bồ-đề lấy Chỉ-Quán làm chính, cho nên cả hai loại này đều thiết lập làm pháp phần Bồ-đề. Sáu loại như Tàm Quý... tản mát trong phẩm thiện tuy có thế dụng hơn hẳn, mà thế dụng nhỏ bé kém cỏi đối với Định thiện, cho nên không thiết lập làm pháp phần Bồ-đề, bởi vì pháp phần Bồ-đề do Định thiện thâm nhiếp.

Có Sư khác nói: Trong pháp Đại thiên địa, nếu những pháp đối trị mạnh mẽ-tự tánh hơn hẳn thì thiết lập làm Giác phần, còn lại không như vậy. những pháp đối trị mạnh mẽ, nghĩa là tương ứng với tất cả tâm nhiệm ô. Tự tánh hơn hẳn, nghĩa là các hành vốn có thúc đẩy phát khởi các hành giúp đỡ Chỉ-Quán mạnh hơn. Tín-Tinh tiến-Khinh an và Xả đều có đủ hai nghĩa. Sáu loại như Tàm-Quý... không có đủ hai nghĩa, đó là năm loại như Tàm... thì hai nghĩa đều không có, một loại không phóng dật chỉ thiếu tự tánh hơn hẳn, cho nên không thiết lập làm pháp phần Bồ-đề.

Hỏi: Vì sao hai pháp vui mừng và chán ngán cũng có thể là thiện, mà không thiết lập làm pháp phần Bồ-đề?

Đáp: Bởi vì hai pháp vui mừng và chán ngán không có năng lực duyên với khắp nơi, trong một phẩm tâm không cho phép cùng lúc đầy khởi, giúp đỡ cho Giác không phải là hơn hẳn, vì thế cho nên không thiết lập.

Hỏi: Vì sao trong tất cả các pháp như sắc... chỉ riêng Vô biểu sắc là có thiết lập Giác phần chứ không phải là pháp khác?

Đáp: Chánh ngữ-nghiệp-mạng tùy thuận với Thánh đạo, thế dụng chỉ tăng lên cho nên thiết lập Giác phần; pháp khác thì không như vậy, cho nên không thiết lập.

Hỏi: Vì sao Thánh chủng không thiết lập Giác phần?

Đáp: Nếu đối với chúng tại gia và xuất gia, có hai sự thù thắng thì thiết lập làm Giác phần:

1. Tâm mong mỗi thù thắng.

## 2. Tiếp nhận thực hành thù thắng.

Bốn Thánh chủng ấy đối với chúng xuất gia có hai sự thù thắng. Bốn Thánh chủng ấy đối với chúng xuất gia có hai sự thù thắng, đối với chúng tại gia thì chỉ có một sự thù thắng, đó là có tâm mong mỏi mà không có nghĩa tiếp nhận thực hành. Như Thiên Đế Thích ngồi ở tòa ngồi bằng hoa báu, có mười hai Na-dữu-đa chư Thiên mỹ nữ luôn luôn vây quanh mình, thường có sáu vạn loại âm nhạc mà làm cho vui vẻ, đối với bốn Thánh chủng tuy có tâm mong mỏi chứ không có nghĩa tiếp nhận thực hành. Có Đại quốc vương như vua Ảnh Kiên..., các Đại trưởng giả như Cấp-cô-độc... cũng lại như vậy. Do đó, bốn Thánh chủng không thiết lập Giác phần.

Có người đưa ra cách nói này: Ba Thành chủng trước lấy căn thiện không tham để làm tự tánh, Thánh chủng thứ tư tức là Tinh tiến, bởi vì vui với đoạn trừ-vui với tu tập do Tinh tiến thâm nhiếp. Hoặc đưa ra cách nói này: Thánh chủng thứ tư cũng là Giác phần.

Luận giả Phân biệt thành lập bốn mươi một pháp phần Bồ-đề, đó là bốn Thánh chủng cộng với ba mươi bảy. Bởi vì không hợp lý cho nên không phải là vấn đề bàn đến ở đây.

Trong luận Phẩm Loại Túc nói: “Thế nào là Niệm giác chi? Đó là đệ tử bậc Thánh đối với Khổ-Tập-Diệt-Đạo, tư duy về Khổ-Tập-Diệt-Đạo, khởi lên ý niệm có thể giúp đỡ Bồ-đề, cho đến nói rộng ra, là Vị tri đương tri căn. Hoặc là những người Học thấy rõ lỗi lầm tai họa của sinh tử và lợi ích thù thắng của Niết-bàn, khởi lên ý niệm có thể giúp đỡ Bồ-đề, cho đến nói rộng ra, là Dĩ tri căn. Hoặc là A-la-hán quán sát tâm giải thoát, khởi lên ý niệm có thể giúp đỡ Bồ-đề, cho đến nói rộng ra, là Cụ tri căn. Đó gọi là Niệm giác chi; cho đến xả Giác chi, nói rộng ra cũng như vậy. Thế nào là Chánh kiến? Đó là đệ tử bậc Thánh đối với Khổ-tập-Diệt-Đạo, tư duy về Khổ-tập-Diệt-Đạo, khởi lên Trạch pháp, cho đến nói rộng ra, là Vị tri đương tri căn. Hoặc là những người Học thấy rõ lỗi lầm tai họa của sinh tử và lợi ích thù thắng của Niết-bàn, khởi lên Trạch pháp, cho đến nói rộng ra, là Dĩ tri căn. Hoặc là A-la-hán quán sát tâm giải thoát, khởi lên Trạch pháp, cho đến nói rộng ra, là Cụ tri căn. Đó gọi là Chánh kiến; cho đến Chánh định, nói rộng ra cũng như vậy.”

Hỏi: Vì sao trong Giác chi nói những lời như khởi lên ý niệm có thể giúp đỡ Bồ-đề..., mà trong Đạo chi không nói những lời như khởi lên Trạch pháp có thể giúp đỡ Bồ-đề...?

Đáp: Nên nói mà không nói đến thì nên biết là nghĩa này có khác.

Lại nữa, muốn làm rõ về cách nói khác-văn từ khác, bởi vì cách nói khác-văn từ khác, cho nên người nói-người tiếp thu đều sinh tâm vui thích. Lại nữa, muốn làm rõ hai chủng loại-hai phương thức-hai bậc cấp-hai bước chân-hai ngọn đuốc-hai ánh sáng-hai cảnh sắc-hai hình ảnh, cho nên nói như vậy. lại nữa, trước đây nói như vậy: Tận trí-Vô sinh trí gọi là Bồ-đề, trong phần vị Tu đạo thì nghĩa của Giác chi hiển bày, gần với Bồ-đề cho nên nói là giúp đỡ Bồ-đề, trong phần vị Kiến đạo thì nghĩa của Đạo chi hiển bày, cách xa Bồ-đề cho nên không nói.

Như trong kinh nói: “Quán bất tịnh cùng lúc tu Niệm Giác chi, dựa vào chán ngán-dựa vào lia bỏ-dựa vào diệt trừ quay lại hưởng về với Xả, cho đến Xả Giác chi nói rộng ra cũng như vậy.”

Hỏi: Quán bất tịnh là hữu lậu, bảy Giác chi là vô lậu, tại sao pháp hữu lậu cùng đi với pháp vô lậu?

Đáp: Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: “Dùng quán bất tịnh thâm nhiếp chế phục tâm ấy, làm cho hết sức điều hòa mềm mỏng, có khả năng chịu đựng rồi không gián đoạn có thể khởi lên Giác chi hiện rõ trước mắt, từ đây lại có thể khởi lên quán bất tịnh. Dựa vào nghĩa như vậy, cho nên nói là cùng lúc.”

Như trong kinh nói: “Các đệ tử bậc Thánh, nếu dùng nhất tâm lắng tai nghe pháp, thì có thể đoạn dứt năm Cái-tu tập bảy Giác chi nhanh chóng làm cho đầy đủ trọn vẹn.”

Hỏi: Cần phải do ý thức tu mà thành tuệ có thể đoạn trừ phiền não, không phải là do năm thức phát sinh được nghe và suy nghĩ có thể đoạn trừ phiền não, làm sao lại nói nếu dùng nhất tâm lắng tai nghe pháp thì có thể đoạn dứt năm Cái?

Đáp: Dựa vào nhân lần lượt chuyển đổi cho nên nói như vậy. Nghĩa là Nhĩ thức hiện không gián đoạn làm cho phát sinh Ý thức thiện, Ý thức thiện này không gián đoạn làm cho phát sinh Tuệ do Văn mà thành, Tuệ do Văn mà thành này không gián đoạn làm cho phát sinh Tuệ do Tư mà thành, Tuệ do Tư mà thành này không gián đoạn làm cho phát sinh Tuệ do Tu mà thành, Tuệ do Tu mà thành này tu tập thuần thực có năng lực đoạn dứt năm Cái, cho nên không trái với lý.

Hỏi: Lúc đoạn dứt năm cái thì chưa có thể tu bảy Giác chi đầy đủ trọn vẹn, vì sao trong kinh nói như vậy: “Có thể đoạn dứt năm Cái-tu tập bảy Giác chi nhanh chóng làm cho đầy đủ trọn vẹn.”

Đáp: Lúc lìa nhiễm cõi Dục thì gọi là có năng lực đoạn dứt năm Cái, lúc lìa nhiễm cõi Sắc thì gọi là tu tập bảy Giác chi, lúc lìa nhiễm cõi Vô sắc thì gọi là nhanh chóng làm cho đầy đủ trọn vẹn, cho nên

không có gì sai.

Có người đưa ra cách nói này: Lúc lià nhiễm cỡi Dục thì gọi là có năng lực đoạn dứt năm Cái, lúc lià nhiễm cỡi Vô sắc thì gọi là tu tập bảy Giác chỉ nhanh chóng làm cho đầy đủ trọn vẹn. Đây là nói đến trước và sau mà lược bỏ phần giữa, cho nên không có gì sai.

Lại có người nói: Lúc là đạo vô gián thì gọi là có năng lực đoạn dứt năm Cái, lúc là đạo giải thoát thì gọi là tu tập bảy Giác chỉ nhanh chóng làm cho đầy đủ trọn vẹn, gần bên cạnh nhau cho nên nói là nhanh chóng.

